

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2022/DS-ST
Ngày 13 tháng 12 năm 2022
Tranh chấp: Hụi.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm

Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2022, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:
Bà làm chủ hụi, ông Nguyễn Văn Đ tham gia các chung hụi như sau:

Ngày 30/01/2019 mở hụi 5.000.000 đồng gồm có 13 chung, 04 tháng khai hụi 01 lần, ông Đ tham gia 01 chung, đóng hụi đến lần thứ 06 thì ông Đ hốt hụi. Sau khi hốt hụi thì ông Đ không đóng hụi, bà đóng hụi thay cho ông Đ 05 kỳ số tiền là 25.000.000 đồng, còn 02 lần nữa mãn hụi ông Đ phải đóng tiếp số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 35.000.000 đồng.

Ngày 25/4/2020 mở hụi 3.000.000 đồng, hụi gồm 16 chung, 02 tháng khai hụi 01 lần, ông Đ tham gia 01 chung, ông Đ hốt vào ngày 25/11/2020. Sau khi hốt hụi ông Đ không đóng hụi, bà đóng hụi thay cho ông Đ 09 kỳ số tiền 27.000.000 đồng, còn 02 kỳ nữa mãn hụi số tiền ông Đ phải đóng hụi tiếp là 6.000.000 đồng, tổng cộng là 33.000.000 đồng.

Ngày 20/11/2019 mở hụi 1.000.000 đồng, gồm 21 chung, 01 tháng khai hụi 01 lần, ông Đ tham gia 01 chung. Ông Đ hốt hụi vào ngày 20/10/2020, sau

khi hết hạn ông Đ không đóng hạn, còn lại 08 kỳ là 8.000.000 đồng, bà đã đóng thay cho ông Đ.

Ngày 30/9/2016 mở hạn 5.000.000 đồng, gồm 16 chung, 04 tháng khai hạn 01 lần, ông Đ tham gia 01 chung. Ông Đ hết hạn ngày 30/12/2020, sau khi hết hạn còn 02 kỳ số tiền ông Đ phải đóng là 10.000.000 đồng nhưng ông Đ không đóng nên bà đã đóng hạn thay cho ông Đ số tiền 10.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Đ trả cho bà số tiền hạn 86.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 02/11/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông thừa nhận có tham gia giao dịch hạn do bà Lê Thị D làm chủ hạn và còn nợ các chung hạn như sau:

- Dây hạn khai ngày 30/0/2019 còn nợ bà D 07 kỳ hạn với số tiền 35.000.000 đồng;

- Dây hạn khai ngày 25/4/2020 còn nợ bà D 11 kỳ hạn với số tiền 33.000.000 đồng;

- Dây hạn khai ngày 20/11/2019 còn nợ bà D 07 kỳ hạn với số tiền 7.000.000 đồng;

- Dây hạn khai ngày 30/9/2016, ông đóng hạn được 13 kỳ thì bỏ hết hạn với số tiền 62.500.000 đồng. Sau đó hai bên thống nhất trừ tiếp 01 chung hạn chết 5.000.000 đồng mà ông còn nợ bà D trước đó. Số tiền còn lại của chung hạn này là 57.500.000 đồng, sau đó bà D trả cho ông được 16.000.000 đồng, đối trừ thì số tiền hạn của chung hạn này bà D còn nợ lại ông số tiền 41.500.000 đồng chưa chung hạn. Chung hạn này ông còn nợ lại 02 kỳ hạn chết chưa đóng với số tiền 10.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến trước ngày bà D khởi kiện thì các bên đã làm biên bản chốt tất cả 04 dây hạn ông tham gia thì bà D còn nợ lại ông số tiền 8.500.000 đồng, nhưng ông không yêu cầu bà D trả cho ông trong vụ án này. Ông xác định không còn nợ bà D bất kỳ số tiền nợ hạn nào nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại phiên tòa: Bà D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà D thừa nhận còn nợ ông Đ số tiền hạn 41.500.000 đồng và tiền lãi 8.500.000 đồng của dây hạn ngày 30/9/2016, bà yêu cầu đối trừ vào số tiền nợ hạn chết của 04 dây hạn mà ông Đ nợ bà, còn lại bao nhiêu thì buộc ông Đ phải có trách nhiệm trả cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hạn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc buộc ông Nguyễn Văn Đ trả tiền nợ hạn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bà Lê Thị D làm chủ hạn tại địa phương, ông Nguyễn Văn Đ có tham gia chơi hạn do bà D làm chủ. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất

các chung hội tham gia và số tiền nợ hội như sau:

- Dây hội ngày 30/01/2019, loại hội 5.000.000 đồng, 04 tháng khai hội một lần, dây hội gồm có 13 chung, ông Đ tham gia 01 chung. Ông Đ đóng hội đến kỳ thứ 06 thì hốt hội. Bà D đã giao tiền hội cho ông Đ xong, sau khi hốt hội thì ông Đ không đóng hội chết, đến nay còn nợ bà D 07 kỳ hội x 5.000.000 đồng = 35.000.000 đồng.

- Dây hội ngày 25/4/2020, loại hội 3.000.000 đồng, 02 tháng khai hội một lần, dây hội gồm 16 chung, ông Đ tham gia 01 chung. Ông Đ đóng hội đến kỳ thứ 05 thì hốt hội. Bà D đã giao tiền hội cho ông Đ xong, sau khi hốt hội thì ông Đ không đóng hội chết, đến nay còn nợ bà D 11 kỳ hội x 3.000.000 đồng = 33.000.000 đồng.

- Dây hội ngày 20/11/2019, loại hội 1.000.000 đồng, dây hội gồm 21 chung, ông Đ tham gia 01 chung. Chung hội này ông Đ đã hốt và bà D đã giao tiền hội xong. Ông Đ còn nợ lại 07 kỳ hội với số tiền 7.000.000 đồng.

- Dây hội ngày 30/9/2016, loại hội 5.000.000 đồng, 04 tháng khai hội 01 lần, dây hội gồm 16 chung, ông Đ tham gia 01 chung. Ông Đ đóng hội được 13 kỳ thì hốt hội với số tiền 62.500.000 đồng nhưng chưa giao tiền hội. Sau đó 02 bên thống nhất trừ tiếp 01 chung hội chết mà ông Đ còn nợ trước đó là 5.000.000 đồng, còn lại số tiền hội 57.500.000 đồng, nhưng bà D không trả. Sau này bà D trả cho ông Đ được 16.000.000 đồng, đối trừ còn lại 41.500.000 đồng là số tiền hội bà D phải trả cho ông Đ trong dây hội này. Dây hội này ông Đ còn nợ bà D 02 kỳ hội chết với số tiền 10.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền hội chết ông Đ còn nợ bà D của 04 dây hội là 85.000.000 đồng; Số tiền hội bà D phải trả cho ông Đ trong dây hội ngày 30/9/2016 là 41.500.000 đồng; Đối trừ ông Đ còn nợ tiền hội của bà D là 43.500.000 đồng.

Tuy nhiên, ông Đ cho rằng đến trước ngày bà D khởi kiện thì hai bên đã làm một biên bản chốt tất cả 04 dây hội thì bà D còn nợ lại ông số tiền 8.500.000 đồng. Lời trình bày này của ông Đ không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ số tiền hội của 04 chung hội nêu trên, sau khi đối trừ các khoản thì ông Đ còn nợ bà D số tiền 43.500.000 đồng, chứ không phải bà D nợ ông Đ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có yêu cầu ông Đ cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này nhưng ông Đ không cung cấp và không tham gia xét xử theo giấy triệu tập của Tòa án là coi như từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, xét lời trình bày của bà D cho rằng số tiền 8.500.000 đồng là tiền lãi của số tiền 41.500.000 đồng trong dây hội ngày 30/9/2016 mà bà chưa trả cho ông Đ là có cơ sở để chấp nhận. Bà D đồng ý đối trừ số tiền lãi 8.500.000 đồng này, còn lại bao nhiêu thì yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả cho bà. Xét đây là sự tự nguyện của bà D, phù hợp với quy định nên được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà D số tiền nợ hội còn lại là 35.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà D không phải chịu án phí và thuộc diện được miễn án phí. Ông Đ phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D. Buộc Ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà Lê Thị D số tiền hội 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Bà Lê Thị D không phải chịu án phí và thuộc diện được miễn án phí.
- Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí 1.750.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 1 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang